

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **55**/2016/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày **13** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt mức thu học phí đối với giáo dục đại học, cao đẳng,
trung cấp chuyên nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình quản lý
từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt mức thu học phí đối với giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, cụ thể như sau:

1. Đối tượng thu học phí : Học sinh, sinh viên đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc tỉnh Thái Bình quản lý.
2. Đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Quy định về mức thu:

3.1. Mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư:

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

S TT	Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
I. Đại học						
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	670	740	810	890	980
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	790	870	960	1.060	1.170
II. Cao đẳng						
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	540	590	650	710	780
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	630	700	770	850	940
3	Y dược	780	860	940	1.040	1.140
III. Trung cấp						
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	470	520	570	620	690
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	550	610	670	740	820
3	Y dược	680	750	830	910	1.000

3.2. Mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư:

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

STT	Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
I. Đại học				
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	1.750	1.850	2.050
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	2.050	2.200	2.400
II. Cao đẳng				
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	1.400	1.480	1.640
22	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	1.640	1.760	1.920
3	Y dược	3.520	3.680	4.040
III. Trung cấp				
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm thủy sản	1.225	1.295	1.435
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật	1.435	1.540	1.680
3	Y dược	3.080	3.220	3.535

3.3. Học phí học lại: bằng mức thu học phí quy định tại mục 3.1, mục 3.2.

3.4. Mức thu học phí đào tạo thực hiện theo phương thức giáo dục thường xuyên áp dụng mức không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

4. Cơ chế miễn, giảm học phí; tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2016./. Hg.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành thuộc tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo TB, Công báo, Công thông tin điện tử TB;
- Lưu: VT, TH.

Chức



Đặng Trọng Thăng